

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT PHÚ LƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT PHÚ LƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU LUONG TECHNICAL TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHU LUONG TECHNICAL TRADING CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110561079

3. Ngày thành lập: 05/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 2, Số nhà 31, Ngõ 170 Phú Lương, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0387308933

Fax:

Email: tmktphuluong@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4543
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

Thời gian đăng từ ngày 06/12/2023 đến ngày 05/01/2024

17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế thông thường loại A, B, C - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;	4659
19.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn kim loại và quặng kim loại; - Bán buôn sắt, thép; (Trừ kinh doanh vàng)	4662
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại Nhà nước cấm)	4669
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều; Giám sát công tác xây dựng công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Kiểm định xây dựng; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; - Tư vấn đấu thầu	7110
23.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô; - Cho thuê xe có động cơ khác	7710

24.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
25.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
26.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
27.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
28.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
29.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
30.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
31.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
32.	Sản xuất giày, dép	1520
33.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
34.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
35.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
36.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
37.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
38.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
39.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
40.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
41.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
42.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
43.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
44.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
45.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
46.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
47.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
48.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
49.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
50.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
51.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
52.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
53.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
54.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
55.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
56.	Sản xuất máy luyện kim	2823
57.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824

58.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
59.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
60.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động của đầu giá viên)	4774
61.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
62.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
63.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics	5229
65.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
66.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
67.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
68.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
69.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
70.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
71.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
72.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
73.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
74.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (Trừ sửa chữa và bảo dưỡng vũ khí và quân nhu)	3311
75.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
76.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
77.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
78.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
79.	Sửa chữa thiết bị khác	3319

80.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
81.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
82.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
83.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
84.	Thu gom rác thải độc hại	3812
85.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
86.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
87.	Tái chế phế liệu	3830
88.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (Trừ khử độc nhà máy và khu hạt nhân)	3900
89.	Xây dựng nhà để ở	4101
90.	Xây dựng nhà không để ở	4102
91.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
92.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
93.	Xây dựng công trình điện	4221
94.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
95.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
96.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
97.	Xây dựng công trình thủy	4291
98.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
99.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
100.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
101.	Phá dỡ (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);	4311
102.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);	4312
103.	Lắp đặt hệ thống điện	4321(Chính)
104.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
105.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
106.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
107.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
108.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
109.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

110.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thuốc; - Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.	4772
------	--	------